

nghi với các chuẩn mực quốc tế. Điều này giúp họ xây dựng được mối quan hệ tin cậy với đối tác nước ngoài, quản lý đội nhóm đa quốc gia và thiết kế sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhiều thị trường khác nhau. Các chương trình trao đổi SV, dự án học tập quốc tế, lớp học đa văn hóa và hoạt động hợp tác trực tuyến với SV nước ngoài là những công cụ hữu hiệu để hình thành năng lực này.

*e. Năng lực số và kết nối toàn cầu:* Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, năng lực khởi nghiệp của SV không thể tách rời năng lực số và năng lực hội nhập toàn cầu. Việc sử dụng hiệu quả các nền tảng số giúp SV nghiên cứu thị trường, tiếp thị sản phẩm, gọi vốn, làm việc từ xa và xây dựng mạng lưới đối tác quốc tế, qua đó mở rộng quy mô kinh doanh vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Toàn cầu hóa vừa mở ra cơ hội tiếp cận tri thức, công nghệ và thị trường toàn cầu, vừa đặt ra những thách thức lớn về cạnh tranh và chất lượng nguồn nhân lực. Do đó, năng lực khởi nghiệp cần được hiểu như một năng lực tổng hợp, kết hợp giữa chuyên môn, tư duy đổi mới, năng lực số và khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa. Việc nâng cao năng lực này đòi hỏi một chiến lược đồng bộ, trong đó giáo dục khởi nghiệp phải chuyển mạnh sang đào tạo dựa trên trải nghiệm, gắn với thực tiễn doanh nghiệp và thúc đẩy tư duy liên ngành. Đồng thời, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp năng động và quốc tế hóa giáo dục đại học là nền tảng quan trọng giúp SV khởi nghiệp thành công và đóng góp bền vững cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

### 3. Kết luận

Toàn cầu hóa đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với môi trường khởi nghiệp, đặt ra các yêu cầu mới đối với năng lực khởi nghiệp của SV. Trong nền kinh tế tri thức và kinh tế số, NLKN không chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà là một năng lực tổng hợp, bao gồm tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng, năng lực số và năng lực hội nhập quốc tế. Thực trạng cho thấy, mặc dù giáo dục khởi nghiệp ở Việt Nam đã có nhiều tiến bộ nhưng NLKN của SV vẫn còn hạn chế do sự thiếu đồng bộ giữa đào tạo, môi trường thực tiễn và hệ sinh thái hỗ trợ. Vì vậy, việc nâng cao NLKN cho SV đòi hỏi một chiến lược tổng thể, trong đó các trường đại học giữ vai trò trung tâm trong đào tạo dựa trên trải nghiệm và gắn kết với doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước và xã hội cần tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, tăng cường hỗ trợ về chính sách, tài chính và kết nối quốc tế. Bởi chỉ khi được trang bị đầy đủ các năng lực cần thiết, SV mới có thể chủ động khởi nghiệp, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu và đóng góp bền vững cho sự phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ajzen I. (1991). *The theory of planned behavior*. Organizational Behavior and Human Decision Processes, Vol. 50, No. 2, pp. 179-211.
- [2] Krueger N.F., Reilly M.D., Carsrud A.L. (2000). *Competing models of entrepreneurial intentions*. Journal of Business Venturing, Vol. 15, No. 5, pp. 411-432.
- [3] Fayolle A., Gailly B. (2015). *The impact of entrepreneurship education on entrepreneurial attitudes and intention*. Journal of Small Business Management, Vol. 53, No. 1, pp. 75-93.
- [4] Lüthje C., Franke N. (2003). *The making of an entrepreneur: Testing a model of entrepreneurial intent among engineering students*. R&D Management, vol. 33, No. 2, pp. 135-147.
- [5] Audretsch D.B., Thurik R. (2001). *Linking entrepreneurship to growth*. OECD Science, Technology and Industry Working Papers, No. 2001/2, OECD.
- [6] Nguyen C.T., Phan A.C., Nguyen H.T. (2020). *Entrepreneurship education and entrepreneurial intention: Evidence from Vietnam*. Journal of Asian Finance, Economics and Business, Vol. 7, No. 8, pp. 499-509.
- [7] Phan T.T.H., Hoang T.T. (2021). *Entrepreneurial ecosystem and students' start-up intention in Vietnam*. Management Science Letters, Vol. 11, pp. 2929-2938.
- [8] Global Entrepreneurship Monitor (GEM) (2023). *Global Report 2022/2023*. Babson College & London Business School.
- [9] GEM Vietnam (2022). *Vietnam National Entrepreneurship Report 2022*, GEM Vietnam.
- [10] OECD (2017). *Entrepreneurship at a Glance 2017*. OECD Publishing, Paris.
- [11] OECD (2021). *The Future of Education and Skills: Education 2030*. OECD Publishing, Paris.
- [12] World Economic Forum (2020). *The Future of Jobs Report 2020*. WEF, Geneva.
- [13] World Bank (2020). *Vietnam: Enhancing Enterprise Innovation*. World Bank Group, Washington DC.
- [14] Porter M.E. (1990). *The Competitive Advantage of Nations*. Free Press, New York.
- [15] UNESCO (2020). *Education in a Post-COVID World: Nine Ideas for Public Action*. UNESCO Publishing, Paris.

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT  
NGUYỄN THỊ ĐAN THỤY  
Đại học Cần Thơ

Nhận bài ngày 25/11/2025. Sửa chữa xong 15/12/2025. Duyệt đăng 28/12/2025.

## Abstract

This article analyzes the current situation of private economic development in Can Tho City in the context of implementing Resolution No. 68-NQ/TW of the Politburo, which identifies the private sector as an important driving force of the national economy. The study highlights notable achievements, including the growth in the number of enterprises, contributions to GRDP, job creation, and innovation activities. At the same time, it identifies several limitations, such as small enterprise scale, limited governance capacity, difficulties in accessing capital, and uneven human resource quality. Based on this analysis, the article proposes a set of solutions to promote the sustainable development of the private sector in alignment with the strategic orientation of Resolution No. 68-NQ/TW in Can Tho City.

**Keywords:** Can Tho City, private economy, Resolution No. 68-NQ/TW.

## 1. Đặt vấn đề

Kinh tế tư nhân đã và đang khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Nhằm tạo điều kiện cho khu vực này phát triển mạnh mẽ, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định hàng loạt định hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư - kinh doanh, qua đó khai thác tối đa tiềm năng của kinh tế tư nhân. TP. Cần Thơ, trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm gần đây chứng kiến sự gia tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp tư nhân, đóng góp đáng kể vào GRDP, ngân sách và giải quyết việc làm. Tuy vậy, khu vực này vẫn còn đối mặt nhiều thách thức như quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực đổi mới sáng tạo hạn chế, khả năng cạnh tranh thấp, tiếp cận vốn và đất đai còn khó khăn, trong khi bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp (DN) phải thích ứng nhanh hơn. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân tại Cần Thơ theo định hướng Nghị quyết 68-NQ/TW có ý nghĩa quan trọng nhằm đánh giá đúng thực trạng, nhận diện các rào cản và xác định giải pháp phù hợp cho giai đoạn tới. Bài viết sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy. Phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, đặc biệt là nội dung Nghị quyết số 68-NQ/TW liên quan phát triển kinh tế tư nhân. Phương pháp thống kê - so sánh được áp dụng để phân tích số liệu về DN, đóng góp kinh tế và môi trường đầu tư của TP. Cần Thơ qua các năm. Ngoài ra, phương pháp đánh giá định tính dựa trên thực tiễn quản lý, chính sách hỗ trợ và phản hồi từ cộng đồng DN giúp nhận diện rõ thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp phù hợp cho giai đoạn tới.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị khẳng định: "Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc

Email: nbtuyet@ctu.edu.vn

làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng” [1]. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế” [2]. Như vậy, kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế do các chủ thể ngoài Nhà nước sở hữu và quyết định hoạt động sản xuất – kinh doanh, giữ vai trò là một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Đây là lực lượng tiên phong trong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững. Kinh tế tư nhân cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể tạo nền tảng nòng cốt cho một nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập sâu rộng; đồng thời được khuyến khích phát triển mạnh mẽ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và hình thành các tập đoàn có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

## **2.2. Phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị**

Kinh tế tư nhân trong hơn 40 năm đổi mới đã từng bước lớn mạnh, trở thành động lực hết sức quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Theo Nghị quyết số 68-NQ/TW được ban hành ngày 04/5/2025, kinh tế tư nhân hiện có hơn 940 000 DN và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động, đóng góp khoảng 50 % GDP, hơn 30 % thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82 % lao động [2]. Tuy nhiên, khu vực này vẫn đang đứng trước nhiều rào cản để phát triển quy mô, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Nghị quyết xác định rõ tư tưởng, nhận thức và hành động là bước đầu tiên: cần xoá bỏ các định kiến, quan niệm sai về kinh tế tư nhân, xác định đúng vai trò của DN và doanh nhân - “doanh nhân là người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế”. Nhà nước chuyển sang vai trò kiến tạo, phục vụ và hỗ trợ, không can thiệp hành chính trái nguyên tắc thị trường, đồng thời xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế. Về mục tiêu cụ thể: đến năm 2030, kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; phần đầu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động, tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực tư nhân đạt khoảng 10-12 %/năm; đóng góp khoảng 55-58 % GDP; sử dụng khoảng 84-85 % lao động. Tầm nhìn đến năm 2045 là có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp, đóng góp trên 60 % GDP và có năng lực cạnh tranh cao ở khu vực, quốc tế [1].

Về nhiệm vụ và giải pháp, Nghị quyết rất toàn diện: *Đổi mới tư duy*: thống nhất nhận thức từ cấp ủy, chính quyền tới cộng đồng DN về vị trí vai trò kinh tế tư nhân; truyền thông mạnh mẽ để khơi dậy tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp, sự tự tin, tự cường. *Hoàn thiện thể chế - chính sách*: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm “xin - cho”, giảm thời gian, chi phí tuân thủ pháp luật; đảm bảo quyền sở hữu tài sản, tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Cụ thể: trong năm 2025, rà soát loại bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, cắt giảm ít nhất 30 % thời gian xử lý thủ tục hành chính, 30 % chi phí tuân thủ và 30 % điều kiện kinh doanh. *Tiếp cận nguồn lực*: về đất đai - DN tư nhân phải được thuận lợi tiếp cận mặt bằng, đất sản xuất; về vốn - hoàn thiện cơ chế tín dụng, quỹ bảo lãnh, tín dụng xanh, hỗ trợ DN nhỏ và vừa, khởi nghiệp sáng tạo. *Nguồn nhân lực*: tập trung phát triển nhân lực chất lượng cao, đào tạo liên kết với DN, hỗ trợ chi phí đào tạo, khuyến khích DN tham gia đào tạo - bồi dưỡng nhân sự. *Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh*: tạo sandbox thí điểm cho công nghệ mới, miễn/giảm thuế cho DN khởi nghiệp, hỗ trợ DN đầu tư R&D, máy móc, chuyển đổi số.

*Liên kết doanh nghiệp và chuỗi giá trị*: Khuyến khích DN tư nhân tham gia chuỗi cung ứng, liên kết với DN lớn, doanh nghiệp FDI; hỗ trợ DN nhỏ từ DN lớn chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực. *Phát triển doanh nghiệp lớn và tập đoàn tư nhân*: khuyến khích khu vực tư nhân tham gia dự án quốc gia, lĩnh

vực đầu tư chiến lược, mở rộng cung ứng dịch vụ cao cấp, đầu tư quốc tế. *Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh*: khuyến khích chuyển hộ kinh doanh thành DN, đơn giản hoá thủ tục, miễn phí nền tảng số, phần mềm kế toán, ưu tiên thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế. *Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội*: xây dựng đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hoá kinh doanh, tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội; tôn vinh doanh nhân điển hình.

Có thể nhận thấy Nghị quyết số 68-NQ/TW không chỉ đặt ra mục tiêu mà cung cấp một khung hành động rõ nét nhằm phát triển kinh tế tư nhân lên tầm cao mới - không chỉ trong quy mô mà trong chất lượng, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Việc triển khai đúng, kịp thời và đồng bộ các giải pháp này sẽ là yếu tố quyết định để khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, giữ vai trò động lực chính trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững của đất nước.

### **2.3. Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Cần Thơ hiện nay**

Trong những năm gần đây, kinh tế tư nhân tại Thành phố Cần Thơ đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. TP. Cần Thơ luôn xác định: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất góp phần vào sự phát triển của thành phố và của nền kinh tế quốc gia; là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” [5]. Theo số liệu mới nhất, “khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn TP. Cần Thơ hiện có gần 20.500 DN đang hoạt động, đóng góp khoảng 74% GRDP và trên 80% tổng thu ngân sách của thành phố. Nhiều DN tư nhân đã phát triển lớn mạnh, khẳng định thương hiệu và vươn ra thị trường khu vực, thế giới” [2]. Khu vực này đóng góp khoảng 74% vào GRDP của thành phố và chiếm trên 80% tổng thu ngân sách. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng bình quân cho khu vực tư nhân đạt khoảng 10%/năm. Trong 9 tháng đầu năm 2025, toàn thành phố đăng ký mới thêm hơn 3.200 DN với vốn đăng ký trên 17.237 tỷ đồng, tăng gần 28% so với cùng kỳ [3]. Đây cho thấy khu vực tư nhân không chỉ mở rộng về số lượng mà còn có độ lan tỏa rõ với hoạt động kinh doanh, đầu tư, đóng góp cho tăng trưởng và việc làm.

Thành phố cũng ghi nhận nhiều DN tư nhân đã khẳng định thương hiệu, mở rộng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông-thủy sản xuất khẩu, thương mại-dịch vụ, logistics và du lịch thông minh. Không chỉ tăng về số lượng, khu vực tư nhân còn đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, khu vực này đóng góp khoảng 70-74% GRDP của thành phố, trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế địa phương. Nhiều DN tư nhân quy mô lớn trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, logistics, công nghiệp chế biến đã từng bước khẳng định thương hiệu, mở rộng thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và vươn ra ngoài vùng. Kinh tế tư nhân cũng đóng vai trò chủ lực trong tạo việc làm, chiếm hơn 85-90% lực lượng lao động đang làm việc trong khu vực DN, góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống dân cư đô thị. Bên cạnh đó, cơ cấu DN tư nhân tại Cần Thơ đang chuyển dịch theo hướng tích cực, với sự xuất hiện ngày càng nhiều DN đổi mới sáng tạo, DN ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử và startup khởi nghiệp. Sự đa dạng này giúp tăng sức cạnh tranh, đồng thời mở rộng không gian phát triển cho DN nhỏ và vừa. Những thành tựu trên phản ánh rằng, dưới tác động của việc triển khai Nghị quyết số 68NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, Thành phố Cần Thơ đã dần chuyển đổi tư duy, tạo thuận lợi cho khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ hơn vào nền kinh tế; chính quyền địa phương cũng ngày càng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Những nỗ lực này chính là tiền đề quan trọng để kinh tế tư nhân tại Cần Thơ trở thành động lực tăng trưởng.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả tích cực, còn tồn tại nhiều hạn chế đáng lưu ý ảnh hưởng đến việc phát triển ổn định, bền vững khu vực kinh tế tư nhân tại Cần Thơ.

*Thứ nhất*, mặc dù số lượng DN tư nhân tăng, nhưng quy mô đa số DN vẫn nhỏ và siêu nhỏ, năng lực quản trị, năng lực đầu tư còn hạn chế.

*Thứ hai*, khả năng tiếp cận vốn, đất đai, hạ tầng của nhiều DN tư nhân chưa được như mong đợi: mặc dù đã có chính sách hỗ trợ nhưng thực tế vẫn còn rào cản về thủ tục, chi phí và điều kiện vay mượn. “Phần lớn DN có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hạn chế về vốn, công nghệ, nhân lực chất lượng cao. Liên kết giữa khu vực tư nhân với DN nhà nước, hợp tác xã và FDI còn rời rạc, chưa hình thành hệ sinh thái bền vững. Hạ tầng logistics, hạ tầng số, mặt bằng sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu, trong khi thương hiệu hàng hóa địa phương còn yếu về sức cạnh tranh” [4].

*Thứ ba*, viết lại câu này thành: Liên kết giữa DN tư nhân với chuỗi cung ứng toàn cầu và các doanh nghiệp FDI vẫn còn yếu. Việc tham gia vào chuỗi giá trị quốc tế, xuất khẩu hoặc sản xuất công nghệ cao cho tư nhân vẫn gặp nhiều trở ngại.

*Thứ tư*, nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển đổi số tại khu vực tư nhân chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới: DN cần lao động có khả năng ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại, nhưng hiện nay vẫn còn thiếu hụt.

*Thứ năm*, mặc dù hạ tầng logistics được đầu tư nhưng hạ tầng hỗ trợ DN tư nhân (khu công nghiệp, logistic kết nối, cảng biển, sân bay, chuỗi vận tải nội-địa) chưa hoàn chỉnh, dẫn đến chi phí logistics cao, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh.

*Thứ sáu*, tăng trưởng giữa các ngành, lĩnh vực và giữa DN tư nhân còn chưa đồng đều. Theo báo cáo, vẫn còn tình trạng công nghiệp, dịch vụ tăng trưởng nhanh nhưng một số DN nhỏ trong khu vực nông nghiệp công nghệ thấp hoặc dịch vụ hỗ trợ vẫn gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng.

*Thứ bảy*, môi trường kinh doanh mặc dù cải thiện nhưng vẫn có phản ánh về thủ tục hành chính rườm rà, chi phí tuân thủ còn cao và DN còn phản ánh rằng chưa được tham gia đầy đủ vào các chương trình hỗ trợ, chưa cảm nhận được sự đồng hành mạnh mẽ từ chính quyền như mong muốn. Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Cần Thơ vẫn tồn tại một số hạn chế, xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan. 1) Môi trường đầu tư - kinh doanh chưa thật sự thông thoáng và đồng bộ. Một số thủ tục hành chính liên quan đăng ký kinh doanh, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy... còn phức tạp, gây mất thời gian cho DN. Điều này làm tăng chi phí tuân thủ và tạo tâm lý e ngại cho DN nhỏ và vừa - lực lượng chiếm tỷ lệ lớn trong khu vực tư nhân. 2) Quy mô DN tư nhân còn nhỏ và năng lực quản trị hạn chế. Phần lớn DN tại Cần Thơ hoạt động theo mô hình hộ kinh doanh hoặc DN nhỏ, thiếu vốn, thiếu đội ngũ quản trị có chuyên môn, dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp. Khả năng tiếp cận tín dụng của nhiều DN cũng gặp khó khăn do thiếu tài sản thế chấp, hồ sơ tài chính chưa minh bạch, trong khi yêu cầu của ngân hàng ngày càng chặt chẽ. 3) Ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo còn yếu. Nhiều DN chưa mạnh dạn đầu tư vào công nghệ, tự động hóa, thương mại điện tử; chưa tận dụng được chuyển đổi số để mở rộng thị trường. Điều này làm giảm khả năng tham gia chuỗi giá trị lớn hoặc liên kết vùng. 4) Nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, đặc biệt trong các ngành dịch vụ hiện đại, logistics, công nghệ thông tin. Sự liên kết giữa DN - nhà trường - viện nghiên cứu còn lỏng lẻo, khiến DN gặp khó khi tuyển dụng và đào tạo nhân sự. 5) Công tác hỗ trợ DN chưa thật sự hiệu quả, một số chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, đổi mới sáng tạo chưa đến được đúng đối tượng hoặc chưa được triển khai nhất quán giữa các cấp. Những nguyên nhân trên kết hợp lại đã kìm hãm tốc độ phát triển toàn diện của kinh tế tư nhân tại Cần Thơ.

Như vậy, khu vực kinh tế tư nhân tại thành phố Cần Thơ đã phát triển mạnh với những con số ấn tượng về số lượng DN, đóng góp vào GRDP và ngân sách, việc làm và đóng góp xã hội; song việc nâng cao quy mô DN, năng lực cạnh tranh, liên kết chuỗi cung ứng, chuyển đổi số, và cải thiện hạ tầng, nhân lực vẫn là những thách thức lớn. Việc khắc phục các hạn chế này sẽ quyết định khả năng phát triển bền vững và việc biến khu vực kinh tế tư nhân thành “động lực quan trọng nhất của nền kinh tế” như mục tiêu của Nghị quyết 68-NQ/TW đề ra.

#### **2.4. Giải pháp đẩy mạnh phát triển phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Cần Thơ hiện nay**

Trong bối cảnh TP. Cần Thơ đang từng bước chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số và phát triển bền vững, việc thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế địa phương là yêu cầu cấp thiết. TP. Cần Thơ đặt mục tiêu đến 2030, kinh tế tư nhân “có hơn 45.000 DN, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm, đóng góp 78 - 80% GRDP, giải quyết việc làm cho hơn 90% lao động; định hướng đến năm 2045 đạt khoảng 75.000 DN, hình thành đội ngũ doanh nhân có tầm vóc khu vực và quốc tế” [5]. Để phát huy tối đa tiềm năng của khu vực tư nhân, cần triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp về thể chế, nguồn lực, khoa học công nghệ, môi trường kinh doanh và năng lực nội tại của DN.

2.4.1. **Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện môi trường đầu tư - kinh doanh.** Cần Thơ cần tiếp tục thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong điều hành, tăng mức độ công khai, minh bạch, và ứng dụng hệ thống một cửa điện tử liên thông, hạn chế tiếp xúc trực tiếp để giảm chi phí thời gian cho DN. Chính quyền thành phố cũng cần rà soát, cắt giảm các thủ tục, điều kiện kinh doanh không cần thiết; xây dựng cơ chế phản hồi nhanh đối với phản ánh của doanh nghiệp; tăng trách nhiệm của các sở, ngành trong giải quyết hồ sơ đầu tư. Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng phục vụ công dân - doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh chính quyền đồng hành, kiến tạo thay vì quản lý theo hướng hành chính hóa.

2.4.2. **Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN tư nhân tiếp cận các nguồn lực quan trọng, đặc biệt là vốn, đất đai và hạ tầng sản xuất.** Cần Thơ có thể mở rộng mô hình quỹ bảo lãnh tín dụng cho DN nhỏ và vừa; phát triển các gói tín dụng xanh, tín dụng ưu đãi cho đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Trong lĩnh vực đất đai, cần quy hoạch và công bố rộng rãi các quỹ đất dành cho sản xuất - kinh doanh; đơn giản hóa quy trình giao đất, cho thuê đất, gia hạn đất; hỗ trợ DN đầu tư vào khu công nghiệp mới, cụm công nghiệp và các trung tâm logistic. Thành phố cũng nên đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối vùng, cảng Cái Cui, sân bay Cần Thơ và hệ thống kho bãi để giảm chi phí logistics - điểm nghẽn lớn của khu vực tư nhân hiện nay.

2.4.3. **Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho DN tư nhân.** Nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp tư nhân tại Cần Thơ đang thay đổi nhanh, đặc biệt trong các ngành logistics, thương mại điện tử, công nghệ thông tin, chế biến nông - thủy sản và dịch vụ du lịch. Do đó, thành phố cần đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp - đại học với DN để đào tạo theo nhu cầu thị trường; hỗ trợ chi phí đào tạo lại lao động; khuyến khích DN tư nhân tham gia vào chương trình đào tạo kép. Bên cạnh đó, cần xây dựng các chương trình bồi dưỡng về quản trị DN, quản trị tài chính, quản trị rủi ro và kỹ năng lãnh đạo, đặc biệt cho nhóm DN nhỏ và siêu nhỏ - nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhưng năng lực điều hành còn hạn chế.

2.4.4. **Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.** TP. Cần Thơ cần hỗ trợ DN tư nhân tiếp cận các nền tảng số dùng chung trong thương mại điện tử, quản lý sản xuất, kế toán số, hóa đơn điện tử, marketing số,... đồng thời triển khai các chương trình hỗ trợ DN áp dụng ERP, CRM hay các giải pháp tự động hóa trong sản xuất. Việc thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Cần Thơ, không gian làm việc chung (co-working), quỹ đầu tư khởi nghiệp và các chương trình ươm tạo doanh nghiệp sẽ giúp khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và hỗ trợ các DN công nghệ cao trong khu vực tư nhân phát triển. Từ góc độ chính quyền, cần có cơ chế sandbox cho các mô hình kinh doanh mới, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính số, logistic thông minh và nông nghiệp công nghệ cao.

2.4.5. **Tăng cường liên kết chuỗi giá trị và hợp tác doanh nghiệp.** Cần Thơ là trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có thế mạnh về nông nghiệp, thủy sản, logistic và dịch vụ. Do đó, việc xây dựng liên kết vùng sẽ tạo điều kiện để DN tư nhân tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng. Thành phố cần thúc đẩy liên kết giữa DN tư nhân với doanh nghiệp FDI, DN lớn trong nước, viện - trường nhằm chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường. Ngoài ra, cần hỗ trợ DN tham gia hội chợ quốc tế, chương trình xúc tiến thương mại, kết nối thị trường xuất khẩu và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường.

2.4.6. **Phát triển văn hóa kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị DN.** Bên cạnh hỗ trợ về kỹ thuật và nguồn lực, cần chú trọng bồi dưỡng đạo đức kinh doanh, tinh thần trách nhiệm xã hội, tuân thủ pháp luật và xây dựng thương hiệu bền vững. Thành phố có thể tổ chức các giải thưởng tôn vinh doanh nhân, lan tỏa mô hình kinh doanh tốt, khuyến khích DN minh bạch tài chính và đạt các chuẩn quản trị như ISO, HACCP, BSCI,... Qua đó, DN tư nhân không chỉ nâng cao sức cạnh tranh mà còn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp, bền vững trong thị trường.

2.4.7. **Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và cộng đồng DN.** Cần Thơ cần duy trì mô hình "café doanh nhân", "ngày hội doanh nghiệp", các diễn đàn đối thoại định kỳ nhằm lắng nghe khó khăn và kịp thời tháo gỡ vướng mắc. Mặt khác, cần hoàn thiện hệ thống đánh giá mức độ hài lòng DN đối với dịch vụ công và xem đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực cán bộ.

*Xem tiếp trang 172*